

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 10 - 2021.

V/v ly hôn giữa chị T và anh Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Đức Chạc.

- Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Đội x, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Đội x, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T thể hiện: Chị và anh Phạm Văn Th đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn Q) trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Sau đó vợ chồng chung sống tại xóm x xã H cùng bố mẹ chồng được hai năm

thì phát sinh mâu thuẫn, vì vậy đến năm 2013 vợ chồng anh chị chuyển xuống ở đội x xã H nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Th mãi chơi dấn đến kinh tế khó khăn, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Th. Về con chung anh chị có ba (03) con chung là cháu Phạm Đức T-H, sinh ngày 19/09/2008, cháu Phạm Phúc A, sinh ngày 02/01/2013 và cháu Phạm Minh K, sinh ngày 04/8/2019. Sau khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn Th nộp bản tự khai thể hiện về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều chị T đã trình bày tại Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân là do chị T không chung thủy khi anh Th đi làm ăn xa. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh thì anh xác định tình cảm của vợ chồng vẫn còn, nên anh không nhất trí ly hôn. Do không nhất trí ly hôn, nên anh Th không có quan điểm về con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng trình bày quan điểm, đánh giá việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn Th. Xử giao cháu Phạm Đức T-H, cháu Phạm Phúc A và cháu Phạm Minh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn Th đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Chị Bùi Thị T có đơn xin ly hôn anh Phạm Văn Th và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là

đúng thẩm quyền. Anh Th mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn Th vào ngày 30/11/2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn Q) là hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới việc sống ly thân từ tháng 06 năm 2020 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết vợ chồng được ly hôn. Bản thân anh Th cũng xác định giữa anh và chị có mâu thuẫn nhưng anh không nhất trí ly hôn, tuy nhiên từ khi vợ chồng ly thân anh Th cũng không có động thái hòa giải tình cảm vợ chồng, thường xuyên không có mặt ở gia đình để chăm sóc vợ con. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh Th có ba (03) con chung là cháu Phạm Đức T-H, sinh ngày 19/09/2008, cháu Phạm Phúc A, sinh ngày 02/01/2013 và cháu Phạm Minh K, sinh ngày 04/8/2019. Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu. Chị T đề nghị sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ sau khi anh Th, chị T sống ly thân thì việc nuôi dưỡng con chung của chị T vẫn đảm bảo tốt cho các cháu. Chị T là giáo viên công tác tại Trường mầm non xã, có thu nhập thường xuyên, ổn định và nơi cư trú rõ ràng. Anh Th là lao động tự do thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Bản thân hai cháu T-H và cháu A cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu K dưới 36 tháng tuổi. Xét nguyện vọng của chị T đề nghị được nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí dân dân sự sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật dân sự và theo Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị T, cụ thể: Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn Th.

[2] Về con chung: Xử giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức T-H, sinh ngày 19/09/2008, cháu Phạm Phúc A, sinh ngày 02/01/2013 và cháu Phạm Minh K, sinh ngày 04/8/2019. Anh Th không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. (Hiện nay các cháu đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng). Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004182 ngày 12/04/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- UBND TT Q;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Chung